

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4627 /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo căn cứ các nội dung quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính và nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này để thực hiện ghi sổ kế toán, hạch toán, theo dõi và quản lý tài sản theo đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét sửa đổi, bổ sung danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn đối với tài sản cố định nêu tại Điều 1 phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này, tổng hợp, đề xuất báo cáo Bộ trưởng xem xét điều chỉnh bổ sung quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thủ trưởng;
- Công thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Phạm Ngọc Thương

Phạm Ngọc Thương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

QUY ĐỊNH DANH MỤC, THỜI GIAN SỬ DỤNG VÀ TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

(Kèm theo Quyết định số ~~4627~~ /QĐ-BGDĐT ngày ~~19~~ tháng ~~12~~ năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Danh mục	Thời gian sử dụng (năm)	Tỷ lệ hao mòn (% năm)
(1)	(2)	(3)	(4)
Loại 1	Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả		
1	Tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, sách giáo khoa	25	4
2	Chương trình máy tính	5	20
3	Dữ liệu sưu tập	25	4
4	Quyền tác giả khác	25	4
5	Học liệu, dữ liệu dạy học	5	20
6	Tin bài điện tử	4	25
Loại 2	Quyền sở hữu công nghiệp		
1	Bằng phát minh, sáng chế	25	4
2	Giải pháp hữu ích	25	4
Loại 3	Quyền đối với giống cây trồng		
	Quyền đối với giống cây trồng	25	4
Loại 4	Phần mềm ứng dụng - Sản phẩm phần mềm		
1	Phần mềm chuyên ngành Giáo dục đào tạo		
1.1	Phần mềm dạy học	5	20
1.2	Phần mềm quản lý đào tạo	5	20
1.3	Phần mềm quản lý nghiệp vụ trường học	5	20
1.4	Phần mềm chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập	5	20
1.5	Phần mềm thư viện	5	20
1.6	Phần mềm ngoại ngữ	5	20
1.7	Phần mềm đào tạo dựa trên máy tính	5	20
1.8	Phần mềm giáo dục đa phương tiện	5	20
1.9	Phần mềm khác cho giáo dục đào tạo	5	20
2	Phần mềm khác	5	20
Loại 5	Tài sản cố định vô hình khác	5	20
	...		

Ghi chú: Danh mục Phần mềm ứng dụng - Sản phẩm phần mềm (Loại 4) nêu trên căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BTTTT ngày 03/12/2021 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử./.